TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **08**/2026/DSST Ngày 05/02/2026 V/v *tranh chấp yêu cầu tháo dỡ tài sản trên lối đi và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh;

Bà Nguyễn Thị Bình.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 262/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp về buộc tháo dỡ tài sản trên đường đi công cộng và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2025/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 06/TB-TA ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980; cùng nơi cư trú: Tổ A phường N, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên lạc: Số B L, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Ông Võ Thành T1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số I Q, tổ A, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số C N, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2024; đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và các văn bản trình bày khác và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 175, tờ bản đồ số 28, diện tích 78,8m^2 phường C (sau sáp nhập thuộc phường C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CY 188679, số vào sổ cấp GCN: CS14490, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 18/12/2020 (Sau đây viết tắt là thửa số 175).

Trong quá trình sử dụng đất, ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T phát hiện bị đơn ông Võ Thành T1 có hành vi xây dựng rào lưới B40, trụ sắt hộp kéo lưới B40 cao 1,2m, dài hơn 3m; đặt chậu hoa giấy, chậu hoa sứ bít chắn đường đi vào thửa số 175 cản trở quyền đi lại và quyền sử dụng đất của ông, bà tại thửa số 175.

Ông M làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân phường C (nay là UBND phường C) đề nghị giải quyết buộc ông T1 phải dỡ dọn hết trụ sắt, rào lưới B40, đặt chậu hoa lấn chiếm đường đi vào thửa số 175 của ông M, bà T. Qua hai lần mời hòa giải tại UBND phường C nhưng ông Võ Thành T1 đều vắng mặt.

Nay ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Thành T1 phải tháo dỡ trụ bê tông cao hơn 1,2m, lưới B40, các chậu hoa sứ, chậu hoa giấy đã bịt chắn lối đi vào thửa số 175 và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đường đi công cộng tiếp giáp với cạnh Đông Bắc của thửa số 175 chắn lối đi vào thửa số 175 của ông M, bà T nhằm trả lại nguyên hiện trạng lộ giới của từng thửa đất và lối đi công cộng.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến phản hồi của bị đơn ông Võ Thành T1***:*** Ông Võ Thành T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử. Tuy nhiên, ông T1 không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham gia hòa giải và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường C***:***

- Thông tin địa chính thửa đất số 175 tờ bản đồ số 28 phường C, thành phố Q (nay là phường C, tỉnh Quảng Ngãi):

Ngày 10/4/2013, ông Phạm Ngọc T2, bà Nguyễn Thị Mỹ L chuyển nhượng cho ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T quyền sử dụng đất tại thửa số 3216, tờ bản đồ số 02, diện tích 156,68m^2 (theo bản đồ đo vẽ năm 1993) phường Chánh Lộ theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C chứng nhận và được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số phát hành: BP 391127, số vào sổ cấp GCN: CH 05531 cấp ngày 03/6/2013 cho ông M, bà T.

Ngày 10/11/2015, ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T đề nghị tách thửa số 3216, tờ bản đồ số 02 thành 02 thửa, gồm: Thửa số 3505 và thửa số 3506, cùng tờ bản đồ số 02 (bản đồ đo vẽ năm 1993) phường C, thành phố Q (nay là phường C).

Ngày 26/5/2020, ông Bùi Văn M đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 3506, tờ bản đồ số 02, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CY 188679, số vào sổ cấp GCN: CS 14490, cấp ngày 18/12/2020 đổi thửa số 3506 thành thửa số 175, tờ bản đồ số 28, diện tích 78,8m^2 phường C, thành phố Q (nay thuộc thửa số 175, tờ bản đồ số 118 phường C, tỉnh Quảng Ngãi).

Các tài sản gồm: Rào lưới B40, trụ sắt và vị trí đặt chậu cây theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2025 là nằm trên đường đi thuộc đất giao thông.

Lối đi có vị trí tiếp giáp với cạnh Đông Bắc của thửa số 175 là đường đi công cộng, thuộc nhóm đất giao thông. Theo quy định của Luật đất đai thì chủ sử dụng thửa số 175 được quyền đi lại trên đường đi công cộng tiếp giáp với cạnh Đông Bắc của thửa số 175.

Ủy ban nhân dân phường C (nay là phường C) có biết việc ông Võ Thành T1 lấn chiếm đất để chôn trụ sắt, rào lưới B40, đặt chậu hoa trên đường đi công cộng tiếp giáp cạnh Đông Bắc với thửa số 175. Ủy ban nhân dân phường C (nay là phường C) chưa xử lý vi phạm hành chính đối với ông Võ Thành T1 về hành vi lấn chiếm đường đi để xây dựng tường rào lưới B40, chôn trụ sắt, đặt chậu hoa.

Ông Võ Thành T1 có nhà ở tại thửa đất 71, tờ bản đố số 118 phường C, địa chỉ nhà ở tại số I Q, tổ A, phường C, tỉnh Quảng Ngãi (liền kề và song song với thửa số 175).

Ngoài ra, Chủ tịch UBND Phường C không yêu cầu gì thêm.

***Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi*:**

1. *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 97, Điều 170, Điều 171 đến Điều 177, Điều 179, Điều 191, Điều 195, Điều 198, Điều 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Võ Thành T1 cố tình trốn tránh, không hợp tác giải quyết vụ án và không thực hiện đúng

quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp vụ án là *"Tranh chấp về buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"* là đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung vụ án*: Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 146, Điều 147, Điều 155, Điều 157, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163; khoản 2 Điều 164, Điều 169 và Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 29 và Điều 31 Luật đất đai năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.1. Buộc ông Võ Thành T1 phải tháo dỡ tài sản xây dựng, gồm: một trụ tre, một trụ sắt hộp cao 1,2m kéo lưới B40, các chậu hoa giấy, hoa sứ đã bít chắn lối đi vào thửa đất số 175, tờ bản đồ số 118 phường C của ông M, bà T để trả lại nguyên hiện trạng của từng thửa đất và đường đi công cộng.

Buộc ông Võ Thành T1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật tại vị trí đường đi công cộng tiếp giáp với cạnh Đông Bắc chắn lối đi vào thửa số 175 và quyền sử dụng đất của nguyên đơn tại thửa đất số 175.

2.2. Buộc bị đơn phải chịu tiền chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp vụ án là *"Tranh chấp về buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất đường đi công cộng và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"* theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Võ Thành T1 nhưng ông T1 từ chối không nhận, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định

hoãn phiên tòa và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử để bị đơn ông Võ Thành T1 biết thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông T1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Thành T1.

[1.3] Bị đơn ông Võ Thành T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo trình bày ý kiến phản hồi nhưng ông không có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực III) và Ủy ban nhân dân phường C cung cấp thông tin liên quan đến vị trí đất đường đi có tranh chấp, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định như sau:

[2.1.1] *Đối với quyền sử dụng đất của ông* Bùi Văn M, *bà* Nguyễn Thị Thanh T*:*

Ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ sử dụng đất đối với thửa số 175, tờ bản đồ số 28, diện tích 78,8m^2 phường C (sau sáp nhập thuộc phường C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CY 188679, số vào số cấp GCN: CS14490, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 18/12/2020. Thửa đất này có cạnh phía Đ và cạnh phía Bắc tiếp giáp với đường đi ở phía Đông Bắc đã có sẵn từ trước khi ông M, bà T nhận chuyển nhượng đất và là lối đi duy nhất để đi vào thửa số 175.

[2.1.2] Bị đơn ông Võ Thành T1 có nhà ở tại số I đường Q, tổ A, thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 118 phường C; liền kề con mương tiếp giáp và song song với thửa số 175. Gia đình ông T1 cũng đi lại trên lối đi chung với thửa số 175 của ông M, bà T.

[2.1.3] Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2025 và sơ đồ đo vẽ vị trí đất tranh chấp thì xác định được, như sau: Đường đi vào thửa số 175 nằm ở góc cạnh phía Đông và cạnh phía Bắc của thửa số 175. Tại điểm cuối về phía Tây đường đi, tiếp giáp với góc cạnh phía Đ và cạnh phía Bắc của thửa số 175 có xây dựng 01 trụ sắt hộp, kéo lưới B40, cao 1,2m, dài (2,31m + 1,05m) tạo thành hàng rào; một hàng rào trụ tre; 01 chậu hoa giấy; 01 chậu hoa sứ chắn lối đi vào thửa số 175; vị trí xây dựng hàng rào và đặt chậu cây tọa lạc tại điểm cuối phía Tây đường đi công cộng.

[2.1.4] Trên cơ sở thông tin địa chính thu thập được như trên và ý kiến của Ủy ban nhân dân phường C, là cơ quan quản lý nhà nước đối với đất công trình

công cộng (đường đi) thì xác định được, như sau: Ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền sử dụng đường đi công cộng tiếp giáp với góc cạnh phía Đ và cạnh phía Bắc của thửa số 175.

Theo quy định tại Điều 158 và khoản 2 Điều 159 Bộ luật dân sự, thì chủ sở hữu tài sản, ngoài có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình thì còn có các quyền khác, bao gồm: Quyền hưởng dụng. Do đó, ông M, bà T được quyền sử dụng (quyền hưởng dụng) đối với đường đi tiếp giáp với cạnh phía Đ và cạnh phía Bắc của thửa số 175 để đi vào thửa đất nhằm mục đích phục vụ nhu cầu đi lại, sinh hoạt và thực hiện các quyền khác đối với quyền sử dụng đất của ông M, bà T theo quy định tại Điều 26 Luật đất đai.

[2.1.5] Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Ủy ban nhân dân phường C thì xác định được ông Võ Thành T1 là người đã xây dựng các loại tài sản như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ như trên và rào chắn tại đầu điểm cuối đường đi công cộng tiếp giáp về phía Đông Bắc của thửa số 175.

Theo quy định tại khoản 10 Điều 11 Luật đất đai năm 2024, thì các hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm trong lĩnh vực đất đai, bao gồm: "*Cản trở, gây khó khăn đối với quyền sử dụng đất, việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật*". Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật dân sự thì "*Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đất đã xác định*".

Như vậy, việc ông Võ Thành T1 có hành vi xây dựng hàng rào lưới B40, hàng rào tre, đặt chậu cây trên đường đi công cộng tiếp giáp với cạnh phía Đ và cạnh phía Bắc của thửa số 175 như nhận định trên là có ảnh hưởng, cản trở quyền đi lại và việc thực hiện quyền sử dụng đất tại thửa số 175 của ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T và trái quy định về nghĩa vụ của công dân đối với đất đai theo quy định tại Điều 25 Luật đất đai năm 2024.

[2.1.6] Theo quy định tại Điều 164 và Điều 169 Bộ luật dân sự thì ông M, bà T là chủ sử dụng đất hợp pháp thửa số 175 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền buộc người có hành vi vi phạm về tài sản phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu tài sản, quyền khác đối với tài sản. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông M, bà T về buộc ông Võ Thành T1 phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, hàng rào tre, hai chậu hoa trên đường đi công cộng, tiếp giáp với cạnh phía Đ và cạnh phía Bắc của thửa số 175 và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của ông M, bà T tại thửa số 175 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] *Chí phí tố tụng:* Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc 5.000.000đồng (*năm triệu đồng*).

Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ Điều 156 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bị đơn ông Võ Thành T1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc nêu trên.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng các khoản chi phí tố tụng trên nên buộc ông Võ Thành T1 phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000đồng (*năm triệu đồng*).

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.1] Buộc ông Võ Thành T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[4.2] Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sơ thẩm đã nộp.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 14 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 156; Điều 165; Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 158, Điều 159, Điều 164, Điều 169 và Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 10 Điều 11, Điều 25, Điều 26 và Điều 31 Luật đất đai năm 2024;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T.

1.1. Buộc bị đơn ông Võ Thành T1 phải tháo dỡ tài sản, gồm: hàng rào bằng trụ sắt hộp, kéo lưới B40, cao 1,2m, dài (2,31m + 1,05m); một hàng rào trụ tre; 01 chậu hoa giấy; 01 chậu hoa sứ xây dựng trên đường đi công cộng tiếp giáp với các cạnh phía Đ và cạnh phía Bắc của thửa đất số 175, tờ bản đồ số 118 phường C, tỉnh Quảng Ngãi, do ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T đứng tên chủ

sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CY188679, số vào sổ cấp GCN: CS14490, cấp ngày 18/12/2020.

1.2. Buộc bị đơn ông Võ Thành T1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với các quyền khác, quyền hưởng dụng, quyền đi lại của ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T trên đường đi công cộng tiếp giáp với các cạnh phía Đ và cạnh phía Bắc của thửa đất số 175, tờ bản đồ số 118 phường C, tỉnh Quảng Ngãi và việc thực hiện quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T đối với thửa đất số 175, tờ bản đồ số 118 Phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Chí phí tố tụng:* Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc 5.000.000đồng (*năm triệu đồng*), nguyên đơn ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp tạm ứng các khoản chi phí tố tụng trên.

Buộc ông Võ Thành T1 phải hoàn trả lại cho ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 5.000.000đồng (*năm triệu đồng*).

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

3.1. Buộc ông Võ Thành T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

3.2. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T tiền tạm ứng án phí dân sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003599 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án khu vực I - Quảng Ngãi).

4. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

5. *Về quyền kháng cáo:* Ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2026).

Đối với ông Võ Thành T1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1;
- UBND P.Cẩm Thành;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Toại